

Đề tài “Đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế: Trường hợp Việt Nam” do TS. Đặng Văn Dân - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh làm chủ nhiệm, đã hoàn thành nghiên cứu và bảo vệ thành công tại Hội đồng Tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tháng 5/2016, đạt loại giỏi. Sau đây là những nội dung cơ bản của đề tài khoa học.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Mục tiêu tổng quát của đề tài là làm rõ tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng viện trợ phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Căn cứ vào mục tiêu tổng quát đã được xác định, nội dung nghiên cứu chính của đề tài bao gồm: (i) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế; (ii) Phân tích thực trạng viện trợ phát triển tại Việt Nam, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển tại Việt Nam; (iii) Đánh giá thực trạng tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; (iv) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

DÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM

CHƯƠNG II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Ở chương này, đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận chung về viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế. Cụ thể qua các bước cơ bản sau: (i) Luận giải làm rõ khái niệm về viện trợ phát triển, phân loại viện trợ phát triển, tính hai mặt của nguồn vốn viện trợ phát triển; (ii) Trình bày một cách có hệ thống khái niệm tăng trưởng kinh tế, cách đo lường tăng trưởng kinh tế và các nhân tố kinh tế ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế; (iii) Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm ngoài nước và trong nước cho thấy, còn có những kết quả khác nhau giữa các nghiên cứu trên thế giới về tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế; (iv) Đi sâu vào phân tích các trường phái lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế nhằm tạo khung lý thuyết phân tích về đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế.

1. Cơ sở lý luận về viện trợ phát triển

1.1. Khái niệm viện trợ phát triển

Qua các khái niệm và định nghĩa khác nhau về nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) thì đều có điểm chung thống nhất đó là: ODA phản ánh mối quan hệ chính thức giữa 2 bên: bên tài trợ bao gồm các tổ chức quốc tế, chính phủ các nước phát triển, các tổ chức liên

chính phủ và bên nhận tài trợ là chính phủ của nước đang phát triển hoặc chính phủ của nước kém phát triển. Mục đích của nguồn vốn ODA là hợp tác hỗ trợ nhằm phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia được nhận tài trợ. ODA là vốn vay ưu đãi mà quốc gia được nhận tài trợ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong tương lai, trong đó không phải hoàn lại ít nhất 25% so với tổng giá trị được tài trợ.

1.2. Phân loại viện trợ phát triển

Có 4 cách phân loại ODA cụ thể như sau: (i) Theo tính chất cung cấp vốn; (ii) Theo nhà tài trợ cung cấp; (iii) Theo điều khoản, điều kiện; (iv) Theo hình thức cung cấp.

1.3. Tính hai mặt của nguồn vốn viện trợ phát triển ODA

Những thuận lợi và lợi ích khi sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển ODA: (i) Bổ sung nguồn vốn ưu đãi cho đầu tư và phát triển kinh tế; (ii) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ; (iii) Nâng cao an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo; (iv) Bổ sung nguồn ngoại tệ góp phần cải thiện cán cân thanh toán; (v) Thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh tế trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài; (vi) Góp phần quan trọng trong xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường thể chế quản lý nhà nước.

Những hạn chế và rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển ODA: (i) Nước viện trợ đưa ra các điều khoản ràng buộc đến nước nhận viện trợ; (ii) Gánh nặng trả nợ quốc

gia đối với nước nhận viện trợ tăng lên; (iii) Nước nhận viện trợ có thể gặp rủi ro về tỷ giá và lãi suất; (iv) Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA có thể không đạt hiệu quả; (v) Nguồn vốn ODA không ổn định và gặp khó khăn trong công tác dự báo; (vi) Vấn đề tham nhũng, lợi ích nhóm, lãng phí khi sử dụng nguồn vốn ODA.

2. Cơ sở lý luận về tăng trưởng kinh tế

2.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập hoặc gia tăng sản lượng được tính cho toàn bộ nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Sự gia tăng được thể hiện ở quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng về số lượng, còn tốc độ tăng trưởng có ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm giữa các thời kỳ so sánh.

2.2. Đo lường tăng trưởng kinh tế

Thước đo tăng trưởng kinh tế được xác định theo các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia gồm có: tổng giá trị sản xuất (GO), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng thu nhập quốc dân (GNI), thu nhập quốc dân (NI) và thu nhập bình quân đầu người.

2.3. Các nhân tố kinh tế tác động đến tăng trưởng kinh tế

Các nhân tố kinh tế là nguồn lực có tác động trực tiếp đến các biến đầu vào và đầu ra của nền kinh tế. Theo các nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế thì các nhân tố kinh tế tác động đến tăng trưởng kinh tế bao gồm: các nhân tố kinh tế tác động đến tăng trưởng từ phía tổng cung và các nhân tố kinh tế tác động đến tăng trưởng từ phía tổng cầu.

Từ phía tổng cung: Các yếu tố tổng cung tác động đến tăng trưởng kinh tế gồm 4 yếu tố nguồn lực chủ yếu: vốn (K), lao động (L), tài nguyên đất đai (R) và công nghệ kỹ thuật (T) thường được kết hợp theo một hàm sản xuất có dạng: $Y = f(K, L, R, T)$

Từ phía tổng cầu: Theo kinh tế học vĩ mô, có bốn yếu tố liên quan trực tiếp đến đầu ra của nền kinh tế chính là các yếu tố cấu thành nên tổng cầu bao gồm: chi tiêu của cá nhân và hộ gia đình, chi tiêu của Chính phủ, chi cho đầu tư, chi tiêu qua hoạt động xuất - nhập khẩu.

2.4. Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm về sự tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế

Nghiên cứu nước ngoài: Nhìn chung, những bài nghiên cứu thực nghiệm của nước ngoài về sự tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế chia ra thành ba trường phái: trường phái thứ nhất đưa ra kết luận rằng, viện trợ phát triển có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế; trường phái thứ hai kết luận rằng, viện trợ phát triển có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế; và trường phái sau cùng cho rằng, viện trợ phát triển không có tác động đến tăng trưởng kinh tế hoặc mối quan hệ giữa viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế là không rõ ràng.

Nghiên cứu trong nước: Hiện nay, các nghiên cứu trong nước tập trung vào phân tích định tính các vấn đề liên quan đến viện trợ phát triển nhìn từ góc độ quản lý nhà nước, đồng thời chỉ ra các nguyên nhân, giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả của viện trợ phát triển tại Việt Nam.

CHƯƠNG III: TÁC ĐỘNG CỦA VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

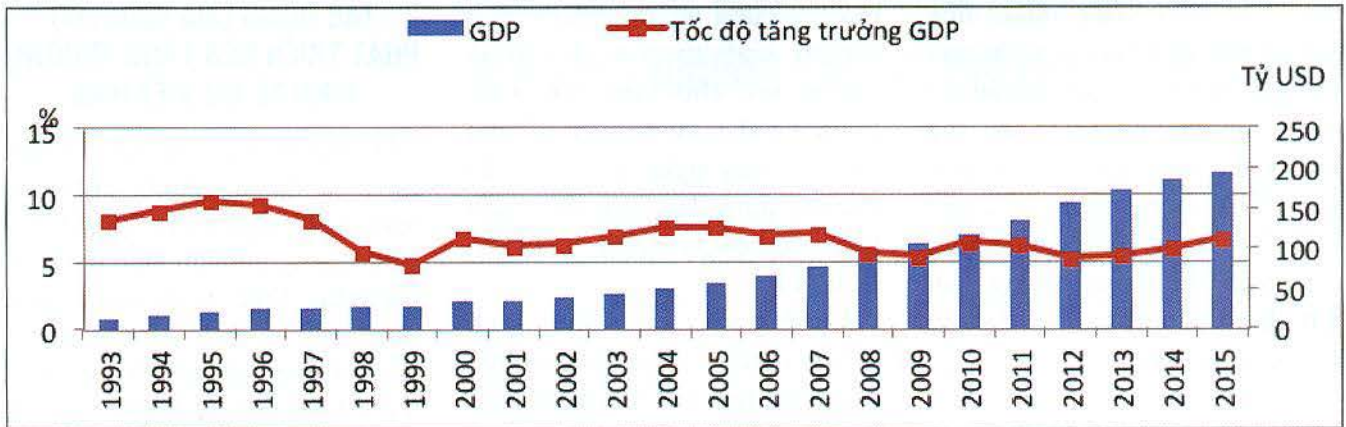
Ở chương này, đề tài đã làm sáng tỏ những thành công và hạn chế trong thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển tại Việt Nam trong giai đoạn 1993 - 2015. Đề tài cũng nêu những nét chính về thực trạng tăng trưởng kinh tế thông qua các chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế. Thông qua sử dụng các kỹ thuật mô tả, phân tích thống kê và đánh giá thực trạng, đề tài đã kiến giải về vai trò của nguồn vốn ODA, viện trợ phát triển có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

1. Tổng quan viện trợ phát triển tại Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015

1.1. Những thành công trong công tác thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển tại Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015

Việt Nam là một trong những quốc gia nhận được nhiều viện trợ nhất trên thế giới. Tính từ năm 1993 đến năm 2015, tổng giá trị ODA ký kết của các nhà tài trợ lên đến 74,3 tỷ USD, trong đó vốn ODA giải ngân đạt 52,1 tỷ USD chiếm 70% so với vốn ODA ký kết. Trong những năm gần đây, công tác vận động và thu hút nguồn vốn ODA của Việt Nam thu được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt giai đoạn 2006 - 2010, vốn ODA cam kết đạt mức cao lên đến 31,7 tỷ USD. Kết quả này cho thấy, sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế với Việt Nam trong công cuộc đổi mới và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự tin tưởng nhiệm của các nhà tài trợ vào hiệu quả quản lý và sử

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

dụng vốn ODA của Việt Nam.

1.2. Những hạn chế trong thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển tại Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015

Có 4 hạn chế trong việc thu hút ODA cụ thể: (i) Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA chưa hoàn thiện; (ii) Tỷ lệ giải ngân so với ký kết của nguồn vốn ODA còn thấp; (iii) Hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA chưa cao; (iv) Quản lý, giám sát và tổ chức của ban quản lý dự án ODA còn hạn chế.

2. Tổng quan tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015

Trong giai đoạn 1993 - 2015, nhìn chung kinh tế Việt Nam phát triển vượt bậc, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam có những biến động mạnh nhất trong hai giai đoạn 1998 - 1999 và giai đoạn 2008 - 2009 do chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á và khủng hoảng tài chính toàn cầu. (Hình 1)

3. Thực trạng về tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015

Nhìn chung, giai đoạn 1993 - 2015, nền kinh tế Việt Nam có

thu nhập quốc dân tăng và thu hút được nguồn vốn ODA từ các nước viện trợ ngày càng nhiều hơn. Đối với một nước nghèo, đang phát triển như Việt Nam, nguồn vốn ODA có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Mặc dù còn nhiều vấn đề đặt ra trong khi phân tích, đánh giá vai trò của nguồn vốn ODA đối với nền kinh tế Việt Nam nhưng không thể phủ nhận tác động tích cực của nguồn vốn này trong quá trình phát triển kinh tế vừa qua ở Việt Nam. (Hình 2)

CHƯƠNG IV: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

Ở chương này, đề tài đã lựa chọn mô hình theo thiết kế phân tích thực nghiệm. Việc thu thập và xử lý số liệu tương đối phức tạp và công phu. Tuy vậy, đề tài cũng đã hoàn thành và có được bộ số liệu đáp ứng các yêu cầu phân tích thực nghiệm. Mô hình được lựa chọn, qua ước lượng cho thấy là có thể dùng thực nghiệm để đánh giá tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế.

1. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu này theo hướng tiếp cận hàm Cobb-Douglas hàm sản xuất gộp trung tính với Hicks và đưa vào tác động của nguồn nhân lực, hình thành hàm như sau:

$$Y = AK^\alpha H^\beta = AK^\alpha (h * L)^\beta$$

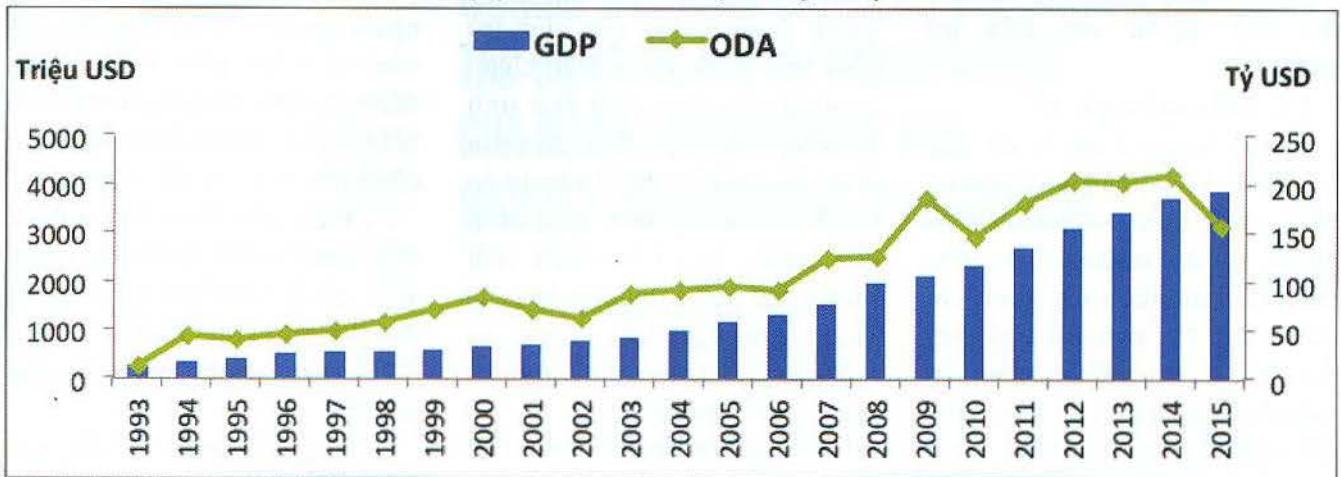
Trong đó, Y là GDP thực, A là năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) thể hiện tác động của khoa học, công nghệ, K là đầu vào vốn cố định, H là vốn nhân lực với L là sản phẩm của lực lượng lao động, h là chỉ số nguồn vốn con người. Giá trị α và β lần lượt là độ co giãn riêng phần của sản lượng theo vốn (K) và độ co giãn riêng phần của sản lượng theo lao động (L).

Nghiên cứu xem xét tác động của ODA đến tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và trong dài hạn với mô hình đề nghị có dạng:

$$GDPG_t = \beta_0 + \beta_1 ODA_t + \beta_2 INV_t + \beta_3 PLI_t + \beta_4 IINDEX_t + \beta_5 CRI_t + \mu_t$$

Trong đó, GDPG là biến phụ thuộc và ODA đóng vai trò là biến độc lập. Các biến số vĩ mô bao gồm INV thể hiện về vốn đầu tư, PLI thể hiện chỉ số chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ, IINDEX là chỉ số phát triển cơ sở hạ tầng, CRI thể hiện tác

Hình 2: Biến động GDP và ODA của Việt Nam giai đoạn 1993 - 2015



Nguồn: Tổng hợp từ OECD và World Bank

động của các đợt khủng hoảng kinh tế đóng vai trò biến kiểm soát trong mô hình tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Có 4 biến kiểm soát trong mô hình cụ thể: (i) Vốn đầu tư; (ii) Chính sách của chính phủ; (iii) Chỉ số cơ sở hạ tầng; (iv) Khủng hoảng kinh tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích tác động của ODA đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, nghiên cứu sử dụng phương pháp ARDL (Autoregressive distributed lag). Tiến trình nghiên cứu dựa trên các biến số đã thu thập số liệu, nghiên cứu thực hiện các bước của ARDL bao gồm kiểm định nghiệm đơn vị, ước lượng mô hình hiệu chỉnh sai số không giới hạn và xác định độ trễ tối ưu, thực hiện các chẩn đoán, kiểm định sự ổn định của mô hình và kiểm định đường bao, ước lượng tác động dài hạn và ngắn hạn.

3. Kết quả phân tích tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

Trong tác động dài hạn, thể hiện tác động tích cực của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam với hệ số

hồi quy dương và có ý nghĩa thống kê cao. Các biến số còn lại đều có chiều hướng tác động phù hợp với kỳ vọng, ngoại trừ biến chính sách của chính phủ.

Trong tác động ngắn hạn, kết quả tiếp tục cho thấy, mối quan hệ tích cực đáng kể giữa ODA và tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, tác động trong ngắn hạn thì tác động của ODA đến tăng trưởng GDP lại lớn hơn so với trong dài hạn. Điều này, có thể đến từ hậu quả của việc huy động vốn ngắn hạn quá nhiều trong những năm 2010 - 2013, tương ứng với đó chúng ta phải trả nợ nhiều vào những năm sau nên tác động dài hạn trở nên nhỏ hơn.

4. Đánh giá về kết quả tác động của viện trợ phát triển đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy, viện trợ phát triển có tác động tích cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1993 đến năm 2015. Phát hiện này trùng hợp với phân tích định tính và phù hợp với các lý thuyết tăng trưởng viện trợ, tương đồng với các nghiên cứu trước.

CHƯƠNG V: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, chương 5 đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng của Đảng và Nhà nước về viện trợ phát triển và tăng trưởng kinh tế

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về thu hút nguồn vốn viện trợ phát triển thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm nghèo đã được khẳng định rõ và nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI là: “Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ”.

2. Xu hướng vận động và thay đổi của nguồn vốn viện trợ phát triển

2.1. Bối cảnh quốc tế

Khủng hoảng kinh tế đã gây ra nhiều khó khăn cho những nước phát triển về cân đối tài chính; do đó, những nước phát triển đã thực hiện cắt giảm chi tiêu công, cắt giảm hỗ trợ, viện trợ quốc tế. Đặc biệt, nguồn vốn viện trợ phát triển ODA sẽ được các nước tài trợ cân nhắc, xem xét kỹ càng hơn.

2.2. Bối cảnh trong nước

Kể từ năm 2010, Việt Nam đã đạt cột mốc phát triển khi vươn lên trở thành nước thu nhập trung bình thấp trên thế giới. Đây là một thành công lớn của Việt Nam, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Nhưng đồng thời, Việt Nam sẽ phải đối mặt với những khó khăn và thách thức không nhỏ trong tương lai đó là môi trường và chính sách về viện trợ phát triển ở nước ta bắt đầu có những sự thay đổi theo hướng chuyển dần từ quan hệ viện trợ phát triển sang quan hệ đối tác phát triển, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại và vay ưu đãi có xu hướng giảm dần.

3. Giải pháp thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

Có 2 nhóm giải pháp chính là nhóm giải pháp kinh tế vĩ mô và nhóm giải pháp về tổ chức và thực hiện chương trình, dự án ODA.

Nhóm giải pháp về kinh tế vĩ mô bao gồm: (i) Xây dựng chiến lược về nguồn vốn viện trợ phát triển phù hợp nhằm duy trì vai trò động lực cho tăng trưởng

kinh tế; (ii) Thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển trong điều kiện chạm ngưỡng nợ công; (iii) Đổi mới phương thức bổ sung vốn đối ứng cho các chương trình, dự án ODA nhằm cân đối ngân sách nhà nước; (iv) Cải thiện chất lượng các yếu tố nguồn lực của tăng trưởng kinh tế.

Nhóm giải pháp về tổ chức và thực hiện chương trình, dự án ODA: (i) Hoàn thiện khuôn khổ thể chế, chính sách liên quan đến viện trợ phát triển; (ii) Đẩy nhanh tiến độ giải ngân đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển; (iii) Phát triển cơ chế phối hợp hài hòa liên quan đến sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển giữa Chính phủ và các nhà tài trợ; (iv) Cải tiến cơ chế đấu thầu, thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án ODA; (v) Tăng cường hoạt động giám sát và đánh giá các chương trình, dự án ODA; (vi) Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức của ban quản lý dự án.

4. Một số kiến nghị với Nhà nước và các nhà tài trợ

4.1. Kiến nghị với Nhà nước

- Nhà nước cần tăng cường phát huy hơn nữa vai trò và chức năng hoạt động của Ban chỉ đạo Quốc gia về ODA và vốn vay ưu đãi.

- Các cơ quan Nhà nước và bộ, ngành có liên quan cần phối hợp chặt chẽ và đồng bộ trong công tác thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển.

- Chính phủ Việt Nam cần nâng cao hơn nữa hiệu quả và tác động của các Hội nghị nhóm tư vấn và các nhà tài trợ trong công tác vận động thu hút nguồn vốn ODA vào Việt Nam.

- Chính phủ thực hiện việc

công bố thông tin ký kết, giải ngân, quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trước người dân cũng như với các nhà tài trợ.

- Chính phủ đảm bảo tính tự chủ, sáng tạo và chuẩn xác trong việc quyết định huy động và sử dụng nguồn vốn ODA.

4.2. Kiến nghị với các nhà tài trợ

- Nâng mối quan hệ đối tác, hợp tác giữa Việt Nam và nhà tài trợ lên tầm cao mới, hai bên thiết lập mối quan hệ hữu nghị, sâu rộng dựa trên sự tin tưởng, tín nhiệm và cùng chia sẻ trách nhiệm, rủi ro.

- Các nhà tài trợ cần có chiến lược hỗ trợ dài hạn và có thể dự báo được nguồn vốn viện trợ trong từng giai đoạn để Chính phủ Việt Nam, có kế hoạch chủ động phân bổ nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nhà tài trợ tích cực hợp tác, phối hợp với Chính phủ Việt Nam trong việc thống nhất, hài hòa về quy trình và thủ tục liên quan đến triển khai, thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam.

- Các nhà tài trợ cần xem xét tăng tỷ trọng viện trợ không hoàn lại trong tổng số vốn ODA hàng năm để giúp Việt Nam khắc phục hậu quả thiên tai, môi trường, xóa đói giảm nghèo tại các vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn.

- Các nhà tài trợ ưu tiên hơn nguồn vốn ODA vào các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu, công nghiệp cơ bản, năng lượng, giao thông vận tải và bưu chính viễn thông... tạo động lực quan trọng góp phần thúc đẩy và đảm bảo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. ■

VCL